# BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

| | |
|---|---|
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 49/2019/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2019* |

## THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội**

*Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội.

**Điều 3. Hồ sơ thanh quyết toán chi phí hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trong trường hợp thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt**

1. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2018/NĐ-CP).

2. Tài liệu kèm theo hồ sơ quyết toán:

*a) Thuyết minh hồ sơ quyết toán;*

*b) Biểu tổng hợp quyết toán hỗ trợ giá theo từng nhiệm vụ;*

*c) Biểu tổng hợp quyết toán doanh thu theo từng nhiệm vụ;*

*d) Biểu tổng hợp quyết toán chi phí theo từng nhiệm vụ;*

*đ) Bản sao các chứng từ, tài liệu liên quan.*

3. Trong hồ sơ quyết toán, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt phải loại trừ các trường hợp đã được bên đề nghị thanh toán khi thực hiện nhiệm vụ đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

**Điều 4. Quy trình thanh quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt**

1. Trong thời gian 90 ngày sau khi thực hiện xong nhiệm vụ đặc biệt, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ thanh quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt theo quy định tại Điều 3 Thông tư này gửi về Cục Đường sắt Việt Nam.

Hồ sơ gửi về Cục Đường sắt Việt Nam bằng hình thức gửi trực tiếp qua đường công văn hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp hồ sơ thanh quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt chưa đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản yêu cầu đơn vị bổ sung hồ sơ theo quy định.

2. Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả xét duyệt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP, thẩm định báo cáo quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán với ngân sách nhà nước.

4. Việc bố trí nguồn vốn ngân sách và thanh toán chi phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đặc biệt cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

**Điều 5. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trong trường hợp thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội**

1. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện nhiệm vụ vận tải an sinh xã hội thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 47 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

2. Tài liệu kèm theo hồ sơ quyết toán:

*a) Thuyết minh hồ sơ quyết toán;*

*b) Biểu tổng hợp quyết toán hỗ trợ giá theo từng chuyến tàu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;*

*c) Biểu tổng hợp quyết toán doanh thu theo từng chuyến tàu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;*

*d) Biểu tổng hợp quyết toán chi phí theo từng chuyến tàu Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;*

*đ) Bản sao các chứng từ, tài liệu liên quan.*

**Điều 6. Quy trình thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội**

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ thanh quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư này gửi về Cục Đường sắt Việt Nam.

Hồ sơ gửi về Cục Đường sắt Việt Nam bằng hình thức gửi trực tiếp qua đường công văn hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp hồ sơ thanh quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội chưa đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản yêu cầu đơn vị bổ sung hồ sơ theo quy định.

2. Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả xét duyệt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Sau khi nhận được báo cáo kết quả xét duyệt quyết toán của Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải thẩm định báo cáo quyết toán các khoản kinh phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, có văn bản gửi Bộ Tài chính theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 47 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

4. Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo cho Bộ Giao thông vận tải về quyết định chi hỗ trợ giá cho doanh nghiệp.

5. Việc bố trí nguồn vốn ngân sách và thanh toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Đông**

CÔNG TY..... Mẫu số 01

**BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ GIÁ**
**QUÝ..... NĂM.....**

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Kế hoạch đã phê duyệt | Thực hiện | Chênh lệch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| I | **Doanh thu** | | | | | |
| 1 | Chuyến tàu... | | | | | |
| 2 | Chuyến tàu... | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| II | **Chi phí** | | | | | |
| 1 | Chuyến tàu... | | | | | |
| 2 | Chuyến tàu... | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | **Chênh lệch (Doanh thu - Chi phí)** | | | | | |

**GIÁM ĐỐC**

Mẫu số 02

CÔNG TY.....

**BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DOANH THU**
**CHUYẾN TÀU..... QUÝ..... NĂM.....**

| TT | Nội dung | Doanh thu | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chuyến tàu.... ngày.... tháng....** | | Thuyết minh |
| 2 | ... | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |
| 6 | | | |
| 7 | | | |
| 8 | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | **TỔNG** | | |

**GIÁM ĐỐC**

Mẫu số 03

CÔNG TY.....

**BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI PHÍ**
**THEO CHUYẾN TÀU..... QUÝ..... NĂM.....**

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | Chi phí | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Chi phí trực tiếp cho công tác** | | |
| 1 | Chi tiền lương lao động | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| 2 | Chi bảo hiểm + công đoàn | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| 3 | Chi vật liệu | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| *a* | *Vật tư, nguyên vật liệu, văn phòng phẩm…* | | |
| *b* | *Công cụ dụng cụ* | | |
| 4 | Chi nhiên liệu | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| *a* | *Nhiên liệu chạy máy móc thiết bị* | | |
| *b* | *Nhiên liệu khác* | | |
| 5 | Chi dịch vụ mua ngoài | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| *a* | *Chi chế độ đồng phục và BHLĐ cá nhân* | | |
| *b* | *Chi dịch vụ khác* | | |
| 6 | Chi khác | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| *a* | *Chi chế độ người lao động* | | |
| *b* | *Chi phí khác* | | |
| 7 | Chi khấu hao TSCĐ | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| **II** | **Phân bổ chi phí quản lý** | | Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo |
| 1 | Tiền lương lao động quản lý, bổ trợ | | |
| 2 | Các chi phí khác | | |
| | **TỔNG** | | |

**GIÁM ĐỐC**